

Bản án số 126/2024/DS-ST
Ngày 23.9.2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Mỹ Hạnh
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị H - sinh năm 1960; Nơi cư trú: Tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thúy H1 - sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 24 tháng 6 năm 2024, tường trình ngày 23 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Dương Thị H trình bày:

Năm 2019, bà quen biết với bà Lê Thị Thúy H1, lúc này đang là Phó Trưởng Công an phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (*Hiện nay đã nghỉ việc*). Bà H1 tâm sự hoàn cảnh khó khăn, bế tắc và đề nghị bà cho mượn sổ đỏ, đồng thời đề nghị bà đứng vay giúp tiền ở ngân hàng để lấy vốn làm ăn, bà H1 sẽ có trách nhiệm trả gốc và lãi đầy đủ cho ngân hàng. Vì thương người nên bà đã đồng ý thế chấp sổ đỏ và đứng tên vay tại Ngân hàng TMCP B với số tiền 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*) vào ngày 26 tháng 7 năm 2019. Bà H1 đã trả gốc và lãi đúng hạn cho Ngân hàng như đã hứa nên khi bà H1 đề nghị bà làm thủ tục tắt toán tại Ngân hàng TMCP B vì lãi quá cao và tiếp tục mượn 02 sổ đỏ của bà để đứng tên vay giúp tại 02 Ngân hàng thì bà đồng ý. Cụ thể:

- Vay của Ngân hàng TMCP P (O) - Chi nhánh T, Phòng G số tiền 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng số 0134/2020/HĐTD-OCB-CN ngày 09 tháng 9 năm 2020, thế chấp tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CTs79337 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 27 tháng 10 năm 2015, cập nhật thay đổi cho bà H ngày 25 tháng 4 năm 2017.

- Vay của Ngân hàng TMCP Đ (P1) - Chi nhánh S, Phòng giao dịch Nguyễn Văn L số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) theo Hợp đồng số 25/2022/HĐTD/PVB-PGDNLV ngày 05 tháng 4 năm 2022 và 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng số 26/2022/HĐTD/PVB-PGDNLV ngày 05 tháng 4 năm 2022, thế chấp tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 383876 do UBND quận L cấp ngày 17 tháng 5 năm 2008 đứng tên bà H.

Khi kí các hợp đồng vay tại các ngân hàng, bà H1 đều đi cùng bà H và trực tiếp nhận tiền vay. Bà H không nhận bất kì khoản tiền nào.

Sau đó, do khó khăn nên bà H có mượn của bà H1 số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Bà đã trả cho bà H1 được 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Trong quá trình bà H1 vay tiền, bà H1 đã trả đầy đủ số tiền gốc và lãi cho các ngân hàng. Tuy nhiên, đến tháng 9 năm 2023, bà H1 đã không trả lãi và gốc hàng tháng cho Ngân hàng TMCP P và không trả lãi và gốc khoản vay quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đ. Các ngân hàng đã nhiều lần làm việc, thông báo cho bà sẽ thu hồi nợ, nếu bà không trả sẽ mất nhà và không có nơi ở.

Lo sợ bị tịch thu nhà vì lãi phạt quá hạn quá lớn, sợ để lâu sẽ mất khả năng chi trả nên từ ngày 30 tháng 10 đến ngày 06 tháng 11 năm 2023, gia đình bà đã vay mượn để trả gốc và lãi cho các ngân hàng với số tiền tổng cộng là 2.378.466.918 đồng (*Hai tỷ ba trăm bảy mươi tám bốn trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm mười tám đồng*), sau đó đã phải bán nhà để trả nợ.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2023, bà H1 có viết Giấy mượn nợ của bà H, xác nhận lại việc mượn 02 sổ đỏ của bà H để giúp bà H1 vay tiền tại OCB với số tiền 1.200.000.000 đồng theo Hợp đồng số 0134/2020/HĐTD-OCB-CN và tại PVB với số tiền 1.250.000.000 đồng theo Hợp đồng số 25/2022/HĐTD/PVB-PGDNLV và Hợp đồng số 26/2022/HĐTD/PVB-PGDNLV ngày 05 tháng 4 năm 2022.

Bà đã nhiều lần gặp và trao đổi đề nghị bà H1 trả nợ nhưng bà H1 bảo hiện nay không có khả năng chi trả. Bà và một số người (*Cũng vì tin tưởng mà cho bà H1 mượn sổ nhà vay tiền cho bà H1 mượn*) đã gửi đơn tố cáo bà H1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền khoảng 8.000.000.000 đồng (*Tám tỷ đồng*). Tại cơ quan Công an, bà H1 đã thừa nhận hành vi mượn sổ để nhờ đứng vay vốn làm ăn, thừa nhận do tình hình khó khăn nên chưa trả tiền lấy sổ đỏ trả lại như đã hứa. Bà H1 xin khắc phục dần và đến khoảng tháng 11 năm 2024 sẽ trả cho bà từ 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) đến 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) nhưng bà H không đồng ý.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã có Phiếu hướng dẫn số 3224/HD-CSHS(Đ3) thông báo cho bà biết giải quyết tranh chấp tại Tòa án, do tranh chấp mượn tiền giữa bà và bà H là tranh chấp trong giao dịch dân sự, không có dấu hiệu của tội phạm hình sự.

Do vậy, bà H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H1 trả số tiền nợ gốc và lãi mà bà H đã trả thay tại O và PVB là 2.378.466.918 đồng, trừ đi số tiền bà H còn nợ của bà H1 150.000.000 đồng, số tiền còn lại yêu cầu bà H1 phải trả là 2.228.466.918 đồng (*Hai tỷ hai trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm mười tám đồng*).

Tại phiên tòa, bà H trình bày: Số tiền bà mượn của bà H1 200.000.000 đồng là do trước khi cho bà H1 vay tiền, bà còn nợ của Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng. Bà H1 đã cho bà mượn số tiền này để trả cho ngân hàng, lấy sổ nhà ra để bà làm thủ tục vay tiền cho bà H1 mượn. Kể từ tháng 9 năm 2023, bà H1 đã không trả nợ gốc và lãi cho các ngân hàng. Số tiền bà đã trả cho các ngân hàng như sau:

- Trả cho Ngân hàng TMCP P (O) - Chi nhánh T, Phòng G số tiền 1.107.401.001 đồng. Cụ thể:

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, trả gốc 6.314.617 đồng, lãi 25.240.929 đồng và lãi phạt 375.835 đồng, tổng cộng là 31.931.381 đồng;

Ngày 06 tháng 11 năm 2023, trả gốc 1.053.259.180 đồng, lãi 11.686.848 đồng và phí phạt 10.523.592 đồng, tổng cộng 1.075.469.620 đồng.

- Trả cho Ngân hàng TMCP Đ (P1) - Chi nhánh S, Phòng G1 số tiền 1.237.323.827 đồng. Cụ thể:

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, trả gốc và lãi 37.300.000 đồng;

Ngày 01 tháng 11 năm 2023, trả gốc, các khoản lãi và phạt đợt 1 là 600.000.000 đồng;

Ngày 02 tháng 11 năm 2023, trả gốc, các khoản lãi và phạt đợt 2 là 600.023.827 đồng.

- Tổng cộng số tiền bà đã trả là 2.344.724.828 đồng (*Hai tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi tám đồng*).

Bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà H1 trả cho bà số tiền 2.344.724.828 đồng, trừ số tiền 150.000.000 đồng bà còn nợ của bà H1, số tiền còn lại bà H1 phải trả cho bà là 2.194.724.828 đồng (*Hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi tám đồng*).

* Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai cho bị đơn - bà Lê Thị Thúy H1 tại nơi cư trú do bà H1 đã đi khỏi địa phương từ tháng 01 năm 2024.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H1 không cung cấp bản tự khai, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, bà H1 vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Thúy H1 phải trả cho bà Dương Thị H số tiền 2.194.724.828 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập họp lệ bị đơn - bà Lê Thị Thúy H1, nhưng tại phiên tòa bà H1 vắng mặt lần hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H1.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H về việc yêu cầu bà Lê Thị Thúy H1 thanh toán số tiền nợ 2.194.724.828 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Thúy H1 không có ý kiến gửi đến Tòa án phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ

luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào Giấy mượn nợ đề ngày 30 tháng 10 năm 2023; các tài liệu, chứng cứ khác do bà H cung cấp; lời trình bày của bà H tại Đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà; Hội đồng xét xử xác định:

Bà Lê Thị Thúy H1 có nhờ bà Dương Thị H đứng tên vay và thế chấp tài sản thuộc quyền ở hữu, sử dụng của bà H tại Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh T, Phòng G để vay số tiền 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng số 0134/2020/HĐTD-OCB-CN ngày 09 tháng 9 năm 2020 và tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh S, Phòng giao dịch Nguyễn Văn L số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) theo Hợp đồng số 25/2022/HĐTD/PVB-PGDNLV ngày 05 tháng 4 năm 2022, số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng số 26/2022/HĐTD/PVB-PGDNLV ngày 05 tháng 4 năm 2022. Bà H1 xác nhận có mượn nợ và cam kết chịu trách nhiệm với việc mượn này.

Do bà H1 đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ tại ngân hàng nên bà H đã phải tự trả các khoản nợ, tất toán cho các ngân hàng. Tổng cộng các khoản nợ bà H đã trả cho Ngân hàng TMCP P là 1.107.401.001 đồng, trả cho Ngân hàng TMCP Đ là 1.237.323.827 đồng. Trừ số tiền bà H còn nợ của bà H1 150.000.000 đồng theo thừa nhận của bà H và xác nhận của bà H1 tại Giấy mượn nợ, số tiền bà H1 nợ của bà H là 2.194.724.828 đồng.

Do bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ của bên mượn tiền về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử buộc bà H1 phải thanh toán cho bà H số tiền nợ 2.194.724.828 đồng, là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - bà Lê Thị Thúy H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng x 2% (2.194.724.828 đồng - 2.000.000.000 đồng) = 75.894.497 đồng (*Bảy mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bốn ngàn bốn trăm chín mươi bảy đồng*) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các điều 235, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H đối với bà Lê Thị Thúy H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử: Buộc bà Lê Thị Thúy H1 phải thanh toán cho bà Dương Thị H số tiền 2.194.724.828 đồng (*Hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm hai mươi tám đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 75.894.497 đồng (*Bảy mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bốn ngàn bốn trăm chín mươi bảy đồng*) bà Lê Thị Thúy H1 phải chịu.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy